

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày 29-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiên Nga

Các Hội thẩm Tòa án nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thủy và bà Phạm thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 172/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Vũ Văn T (Tên gọi khác: Không có); sinh ngày 10 tháng 5 năm 1987 tại Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 2, khu N, phường Đ, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Vũ Văn H và bà Đinh Thị L; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ: Tạ Thị Thu H (đã ly hôn) có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23-01-2013, TAND tỉnh Quảng Ninh xử phạt 42 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01-02-2016. Đã tự nguyện nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 22-11-2012, chưa thi hành phần phạt bổ sung 5.000.000 đồng do chưa có quyết định thi hành án dân sự.

Bị cáo đầu thú ngày 14-8-2018. Hiện tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Trọng T (Tên gọi khác: Không); sinh: 1989
Trú tại: Đội 4, xã K, huyện N, TP Hải Phòng.

2. Chị Đoàn Thị Thanh Hoa (Tên gọi khác: Không); sinh: 1991
Trú tại: Tổ 4 - Khu 10 – phường S – thành phố B - Quảng Ninh.

Những người bị hại vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trương Thạch N (Tên gọi khác: Không có); sinh: 1967; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, **thị xã** T, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.
2. Anh Nông Văn T (Tên gọi khác: Không); sinh: 1987
Địa chỉ: Tổ 15, khu T, phường Y, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Anh Đào Văn T (Tên gọi khác: Không); sinh: 1980
Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, **thị xã** T, tỉnh Quảng Ninh.
 2. Chị Nguyễn Thị H (Tên gọi khác: Không); sinh: 1989
Địa chỉ: Tổ 15A, Khu G, phường Y, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.
 3. Chị La Thị Ng (Tên gọi khác: Không); sinh: 1965
Địa chỉ: Tổ 4, Khu 10, phường S, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.
 4. Chị Bùi Thị T (Tên gọi khác: Không); sinh: 1968
Địa chỉ: Tổ 9, Khu 3, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.
 5. Chị Vũ Thị H (Tên gọi khác: Không); sinh: 1997
Địa chỉ: Khu B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.
- Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào các ngày 18-7-2018, 01 và 02/8/2018, Vũ Văn T đã có hành vi gian dối vờ mượn tài sản của chị Đoàn Thị Thanh H và anh Nguyễn Trọng T, rồi sau đó chiếm đoạt tài sản, mang đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 18-7-2018, Vũ Văn T cùng một người bạn có tên là Bùi Văn H đến nhà chị Đoàn Thị Thanh H (bạn của anh H) ở tổ 9, khu 10, phường S, thành phố B chơi với mục đích vờ hỏi mượn xe mô tô của chị H rồi mang đi cầm cố lấy tiền tiêu. Khi đến nhà chị H thì H hỏi mượn xe mô tô của chị H để T đi đón bạn, chị H đồng ý và cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Janus, biển kiểm soát 14Y1-236.13. T nhận xe rồi điều khiển xe đi, còn H vẫn ngồi lại nhà chị H chơi. T điều khiển xe đến hiệu cầm đồ của anh Nông Văn T ở khu T, phường Y, thành phố B đặt xe lấy 11.000.000 đồng. Vài ngày sau, T tiếp tục đến vay thêm anh T số tiền 2.000.000 đồng và đã ăn tiêu hết. Đến ngày 31/7/2018, chị H trình báo cơ quan Công an. Cùng ngày, Công an thành phố Uông Bí phát hiện chiếc xe trên tại nhà anh T, chị Nguyễn Thị H (vợ anh T) đã giao nộp chiếc xe trên và 01 giấy vay nợ ghi tên người vay là Vũ Văn T cho cơ quan Công an.

Lần thứ hai: Chiều ngày 01/8/2018, anh Nguyễn Trọng T (trú tại xã K, huyện N, thành phố Hải Phòng) cùng một người bạn có tên là Nguyễn Tuấn L

đến nhà T chơi thì được T rủ đi uống bia ở một quán bia tại công chợ thuộc xã Đ, thị xã T, anh T và anh L đồng ý. Khi đang uống bia, T thấy anh T đeo 01 chiếc nhẫn vàng tây loại 14k (có mặt đá đen) thì nảy sinh ý định vờ mượn đeo rồi mang đi cầm cố lấy tiền nên đã nói với anh T mượn chiếc nhẫn để đeo thử, thì anh T đồng ý. T đeo nhẫn vào tay mình và mượn xe mô tô của anh T nói đi có việc riêng rồi đi đến hiệu vàng Hải Nam ở khu B, phường Đ, thành phố B gặp chủ hiệu vàng là chị Vũ Thị H đặt lại chiếc nhẫn vàng để vay số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó T quay lại quán, lấy một phần tiền trả tiền ăn uống với L, T rồi cả bọn đi về.

Lần thứ ba: Sáng ngày 02/8/2018, anh T và anh L tiếp tục điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 15G1-399.46 đến nhà T chơi thì được T rủ đến nhà nghỉ Thanh Tùng thuộc thôn Y, xã Đ, thị xã T chơi. Tại sân nhà nghỉ, T nảy sinh ý định mượn xe mô tô của anh T để mang đi cầm cố lấy tiền. T nói với anh T mượn xe đi đón bạn rồi lấy chiếc nhẫn vàng về trả cho anh T thì anh T đồng ý giao xe cho T. Có xe, T điều khiển đi đến nhà ông Trương Thạch Ng ở thôn L, xã Đ, thị xã T và nói là xe của T, nhờ ông Ng mang đi cầm cố hộ lấy 6.000.000 đồng. Ông Ng đồng ý và mang xe đến nhà anh Đào Văn Th (là hàng xóm của ông Ng) cầm xe lấy 6.000.000 đồng đưa cho T. T cầm số tiền này tiêu xài cá nhân hết. Hôm sau, T tiếp tục đến nhà ông Ng vay thêm 1.000.000 đồng và đến hiệu vàng của chị H nói bán chiếc nhẫn vàng đã cầm cố trước đó thì được chị H đưa thêm cho 400.000 đồng, số tiền trên T chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 04/8/2018, ông Ng đến nhà anh Th trả tiền gốc và lãi hết 6.600.000 đồng và mang xe về để ở nhà ông Ng. Ngày 06/8/2018, T cầm tiền đi lấy xe về cho anh T nhưng do không đủ tiền nên ông Ng không cho T lấy xe; Ngày 07/8/2018, do không thấy T trả lại tài sản nên anh T trình báo Công an phường Đ, thành phố B. Ngày 12/8/2018, Công an xã Đ, thị xã T phát hiện chiếc xe của anh T tại nhà ông Ng nên đã tạm giữ chiếc xe trên và bàn giao cho Công an thành phố B xử lý. Đến ngày 14/8/2018, Tuyền đến Công an thành phố B đầu thú.

Tại các bản Kết luận định giá tài sản số 64 ngày 8/8/2018, số 67 ngày 15-8-2018 và số 95 ngày 03-11-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B lần lượt kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus, màu sơn đen, biển kiểm soát 14Y1-236.13 có giá là 25.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn trắng xám, biển kiểm soát 15G1-399.46 có giá là 32.000.000 đồng; 01 (một) chiếc nhẫn vàng tây 14k, loại nhẫn tăng gô nam có gắn đá màu đen, trọng lượng 1,2 chỉ có giá là 3.000.000 đồng .

Quá trình điều tra, T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu ở trên. T còn khai T và Bùi Văn H đã bàn bạc với nhau trước về

việc sẽ để H vờ mượn xe mô tô của chị H rồi H ngồi lại đó, T sẽ đi cầm cố xe lấy tiền chia nhau. Sau khi chị H cho mượn xe, T điều khiển xe đến cầm cố tại cửa hàng của anh T lấy 11.000.000đ rồi đi taxi đến khu vực cầu Thị ủy Ưng Bí gặp H như đã hẹn trước đó. Tại đây, T và H chia nhau mỗi người 5.500.000đ rồi cả hai bỏ đi, T cầm tiền chi tiêu cá nhân hết. Sau đó T đến lấy thêm 2.000.000đ chỗ anh T và một mình ăn tiêu hết số tiền trên.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Trương Thạch Ng yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 7.600.000 đồng; anh Nông Văn T yêu cầu bồi thường số tiền 13.000.000 đồng, người bị hại anh Nguyễn Trọng T yêu cầu bồi thường giá trị chiếc nhẫn theo kết quả định giá tài sản là 3.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Văn T thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với chị Đoàn thị Thanh H, anh Nguyễn Trọng T, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSUB ngày 07/12/2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Ưng Bí đã truy tố Vũ Văn T về tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quyết định truy tố đối với Vũ Văn T. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đồng thời áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, **khảo 2** Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ văn T với mức hình phạt từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2018.

Buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông Trương Thạch Ng số tiền 7.600.000 đồng; **hoàn trả cho anh Nông Văn T số tiền 13.000.000 đồng trả anh** Nguyễn Trọng T số tiền 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận: Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người đúng tội, không oan tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Mặc dù các lần phạm tội của Vũ Văn T vào các ngày 01 và 02/8/2018 xảy ra trên địa bàn xã Đ, thị xã T nhưng đến ngày 07/8/2018, bị hại là anh Nguyễn Trọng T có đơn trình báo tại Công an phường

Đ, thành phố B. Quá trình điều tra ban đầu bị hại, bị cáo T đều không nhớ, không xác định được địa điểm phạm tội trong khi Cơ quan điều tra đang thụ lý, lập hồ sơ xác minh giải quyết tố giác của chị Đoàn Thị Thanh H từ ngày 31/7/2018. Đến ngày 14/8/2018, bị cáo T đến Công an thành phố B đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B đã khởi tố, điều tra vụ án trên đồng thời trong quá trình điều tra thu thập các tài liệu làm rõ địa điểm phạm tội của T trong các lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Trọng T ngày 01, 02/8/2018 là trên địa bàn xã Đ, thị xã T, tỉnh Quảng Ninh. Việc Cơ quan điều tra Công an thành phố B khởi tố, điều tra và được Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phê chuẩn, đồng thời không có tranh chấp về thẩm quyền điều tra với địa phương khác nên hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 163 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về các tài liệu, chứng cứ của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại tài liệu chứng cứ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ được thu thập sử dụng tại phiên tòa của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về việc định tội: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: Kết luận định giá tài sản, quyết định xử lý vật chứng, biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu, bản ảnh vật chứng vụ án, thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 18/7/2018, tại nhà chị Đoàn Thị Thanh H thuộc tổ 4, khu 10, phường S, thành phố B, Vũ Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus, biển kiểm soát 14Y1-236.13, trị giá 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) của chị H mang đi cầm đồ lấy tiền ăn tiêu. Tiếp đó trong các ngày 01 và 02/8/2018, tại khu vực xã Đ, thị xã T, T tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 nhẫn vàng tây loại 14k trị giá 3.000.000đ (ba triệu đồng) và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 15G1-399.46 trị giá 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) của anh Nguyễn Trọng T mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Tổng trị giá tài sản T chiếm đoạt của chị H, anh T là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố bị cáo và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật.

[2] Về hình phạt:

[2.1] Về hình phạt chính

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"

Xét về nhân thân, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Ngày 23/01/2013 bị xét xử 42 tháng tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đã thi hành xong hình phạt tù ngày 01-02-2016. Hình phạt bổ sung bị cáo chưa thi hành **do chưa có quyết định thi hành án dân sự, căn cứ các quy định của pháp luật** không coi đó là tiền án nhưng điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu.

HĐXX cũng xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

[2.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000^d (Mười triệu đồng) đến 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra đã trả lại xe mô tô BKS 14Y1-236.13 và xe mô tô BKS 15G1-399.46 cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đối với chiếc nhẫn vàng tây trị giá 3.000.000đ (Ba triệu) đồng không thu hồi lại được của anh Nguyễn Trọng T, quá trình đưa vụ án ra xét xử bị cáo đã tác động đến gia đình tự nguyện nộp tiền vào Chi cục thi hành án dân sự Ưông Bí để bồi thường cho anh T. Số tiền 7.600.000đ (Bảy triệu sáu trăm ngàn) đồng bị cáo nhận tiền cầm cố tài sản của ông Trương **Thạch Ng** và 13.000.000đ (Mười ba triệu) đồng của anh Nông Văn T. Nay ông Trương **Thạch Ng**, anh Nông Văn

T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho mình nên bị cáo phải hoàn trả lại cho ông Ng và anh T số tiền trên theo qui định của pháp luật.

[4] Đánh giá về hành vi của những người có liên quan trong vụ án: Đối với việc ông Trương Thạch Ng giúp T mang xe mô tô biển kiểm soát 15G1-399.46 cho anh Đào Văn Th và anh Th nhận cầm cố chiếc xe trên; anh Nông Văn T nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14Y1-236.13; đối với chị Vũ Thị H mua chiếc nhẫn vàng từ T nhưng đều không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Ng **về hành vi giúp Tuyên cầm cố tài sản không có giấy tờ hợp lệ**, anh Th, anh T về hành vi cầm cố xe mô tô không đúng chủ sở hữu.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, **khoản 2** Điều 51 Bộ luật hình sự ; Điều 357, 468, 584, 585, 586 **và Điều 589** của Bộ luật dân sự, khoản 2 điều 136 bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội: **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**.

Xử phạt Vũ Văn T **30** (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14-8-2018.

2. Buộc: Bị cáo Vũ Văn T phải trả cho ông Trương Thạch Ng số tiền 7.600.000 (Bảy triệu sáu trăm ngàn) đồng, trả cho anh Nông Văn T số tiền 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng.

Trả cho anh Nguyễn Trọng T Số tiền 3.000.000đ (Ba triệu) đồng Số tiền này bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường cho anh T theo biên lai thu tiền số 0000225 ngày 19/12/2018 tại Chi cục THADS thành phố Uông Bí

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật ông Trương Thạch Ng, anh Nông Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án có quyết định thi hành, nếu bị cáo chậm trả thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác.

3. Buộc bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.030.000đ (Một triệu không trăm ba mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có QLNVQ
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện KSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Chi cục THA DS TP. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thiên Nga